CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/BHC/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Địa chỉ:	SỐ 224, ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Điện thoại:	0251.3836199 Fax: 0251.3836213
E-mail:	bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn
Mã số doanh nghiệp	3600495818

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Theo giấy chứng nhận còn hiệu lực của các cơ sở sản xuất sản phẩm đề cập tại mục II.5.3.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG SẠCH**

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: túi 1kg; 20 túi 1kg/ bao;
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong bao bì làm từ vật liệu màng túi OPP/PE/LDPE; PET/PE/LDPE; PA/LLDPE. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Xuất xứ: Việt Nam

5.2. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Số 224, đường Hà Huy Giáp, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.3. Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở 1: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ cơ sở 1: Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam, Việt Nam

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "G" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

Số giấy chứng nhận: VN012479-3, nơi cấp Bureau Veritas Certification.

Tên cở sở 2: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA.

Địa chỉ cơ sở 1: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "A" sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A

Số giấy chứng nhận FSSC: FSSC VN013156-1, nơi cấp Bureau Veritas Certification.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0.5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0.05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

3.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể đường tương đối đồng đều, tơi khô, có thể vón cục nhẹ và tơi ra khi có tác động lực.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu trắng óng ánh, khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

3.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%	≥ 99.7

3.3 Thông tin dinh dưỡng /100g:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định
1	Năng lượng	kcal	398.8
2	Hàm lượng hyđrat cacbon	g	99.7

3.4 Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	< 10

3.5 Vi sinh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	Cfu/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	Cfu/10g	10

4. **Hướng dẫn bảo quản và lưu ý an toàn thực phẩm:** Bảo quản hoặc trưng bày nơi khô ráo thoáng mát. Chỉ bảo quản trong các loại bao bì an toàn cho thực phẩm, sạch và kín,…Tránh nắng chiếu trực tiếp và nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.

5. **Hướng dẫn sử dụng:** Được sử dụng trực tiếp trong chế biến thức ăn, thức uống. Đặc biệt thích hợp cho các đồ uống như trà, cà phê, cocktails và nước trái cây...

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Lê Đình Nghiêm

405mm
14,5mm | 92mm | 192mm | 92mm | 14,5mm
260mm | 231mm | 14,5mm

MỘT THƯƠNG HIỆU CỦA
TTC AgriS

Đường Biên Hòa tự hào ghi nhãn "100% mía đường tinh khiết" trên tất cả các dòng sản phẩm của mình. Mỗi sản phẩm là bảo chứng cho nỗ lực của chúng tôi để đem đến cho bạn các sản phẩm đường tinh khiết và tự nhiên, được sản xuất từ giống mía tốt nhất với công nghệ an toàn nhất, giúp bạn tự tin chế biến các món ăn mang hương vị thơm ngon và tốt cho sức khỏe.

Bien Hoa Sugar is proud to label "100% pure sugar cane" on all our products. Each of them is an endorsement of our dedication to bring you the pure natural sugar, which is made from the best sugar cane variety and produced with the safest technology. Creating delicious healthy dish is now just a spoonful away.

SẢN PHẨM CỦA
PRODUCT OF

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Website: www.ttcagris.com.vn

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
224, Ha Huy Giap Street, Tran Bien Ward, Dong Nai Province, Vietnam

Xuất xứ: Việt Nam
Made in Vietnam

HOTLINE 1800 599 900

8 935015 513257

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN
TTC AgriS | LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM

Est. 1969
Bien Hoa SAVING

An toàn cho sức khỏe

ĐƯỜNG SẠCH

100% mía đường tinh khiết

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HALAL

Khối lượng tịnh 1 kg
Net weight

55 NĂM
TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU VIỆT

Đường sạch Biên Hòa Saving được sản xuất bằng công nghệ sạch, loại bỏ hoàn toàn các chất gây hại cho sức khỏe. Sử dụng Đường sạch Biên Hòa Saving trong chế biến thức ăn, đồ uống hàng ngày giúp bảo vệ an toàn cho sức khỏe của cả gia đình bạn.

Bien Hoa Saving Sugar is produced from the advanced technology which helps remove chemicals damaging your health. Use Bien Hoa Saving Sugar every day for food and beverage to protect your family's health.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (/100 g)
NUTRITIONAL INFORMATION (/ 100 g)

Năng lượng - Energy	398,8 Kcal
Carbohydrat - Carbohyrate	99,7 g

THÀNH PHẦN
INGREDIENTS

Đường mía - Cane sugar	100 %

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN
STORAGE INSTRUCTIONS

Bảo quản hoặc trưng bày ở nơi khô ráo, thoáng mát.
Display or store the product in a cool dry place

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
USAGE INSTRUCTIONS

Được sử dụng trực tiếp trong chế biến thức ăn, thức uống. Đặc biệt thích hợp cho các đồ uống như: trà, cà phê, cocktail, nước trái cây,...
Use directly in preparation of food & sweetened drinks. Perfect for tea, coffee, cocktails, fruit juice,...

HẠN SỬ DỤNG
EXPIRY DATE

Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Best before 24 months from production date.
Ngày sản xuất được in trên bao bì.
Production date is printed on product package.

THÔNG TIN CẢNH BÁO
WARNINGS

Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.
Do not use the product when it shows signs of damage.

Giữ môi trường sạch đẹp, vui lòng bỏ vào thùng rác sau khi sử dụng.
Keep the environment clean, please put it in the trash after use.

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Hồng Phong

Lê Đình Nghiêm

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00077BTP1/1/R2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ KT3-00077BTP1/1/R NGÀY 08/02/2021 VÀ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ KT3-00077BTP1/1 NGÀY 14/01/2021

THIS TEST REPORT REPLACES FOR TEST REPORT NO. KT3-00077BTP1/1/R DATED 08/02/2021 AND TEST REPORT NO. KT3-00077BTP1/1 DATED 14/01/2021

1. Tên mẫu *Name of sample* : **ĐƯỜNG SẠCH**
2. Mô tả mẫu *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
   Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
   As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu *Date of receiving* : 06/01/2021
5. Thời gian thử nghiệm *Testing duration* : 07/01/2021 - 14/01/2021
6. Nơi gửi mẫu *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
   BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
   KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
   Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province
7. Kết quả thử nghiệm *Test results* : Xem trang / *See page* 02-04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-00077BTP1/1/R2

02/11/2021

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Trạng thái bên ngoài / *Appearance*	QTTN/KT3 234 : 2019	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, tơi khô, không vón cục/ *White crystals, equal size, dry, no curdle*
7.2. Màu sắc / *Colour*	QTTN/KT3 234 : 2019	-	Tinh thể trắng óng ánh, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt *White crystals, clear solution when adder water*
7.3. Mùi vị / *Odour & taste*	QTTN/KT3 234 : 2019	-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ *Crystal sugar or solution of sugar in water have sweet taste, free from foreign odor & taste*
7.4. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % *Sucrose content (m/m)*	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,8
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	$7{,}00 \times 10^{-3}$

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-00077BTP1/1/R2

02/11/2021

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.6. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), mg/kg *Sulfur dioxide content*	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	0,39
7.7. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	AOAC 2016 (2013.06)	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2013.06))	$6,00 \times 10^{-3}$	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007	0,25	Không phát hiện *Not detected*
7.12. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg *Aflatoxin content*	TCVN 7596 : 2007		
• B_1		0,25	Không phát hiện *Not detected*
• B_2		0,10	Không phát hiện *Not detected*
• G_1		0,25	Không phát hiện *Not detected*
• G_2		0,10	Không phát hiện *Not detected*
7.13. Năng lượng / *Calories*	QTTN/KT3 024 : 2018	-	
• kcal/100 g			400
7.14. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g *Carbohydrate content*	U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	100

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00077BTP1/1/R2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/11/2021

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.15. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Total mesophilic bacterial count*	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	$1,6 \times 10^1$
7.16. Tổng số nấm men, CFU/10 g *Total yeasts*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1(*) *Less than*
7.17. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g *Total moulds*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	$2,0 \times 10^0$
7.18. Thử nghiệm GMO/ GMO Testing Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen trnL (tRNA – Leu gene) *Detection of plant DNA based on trnL gene* (tRNA – Leu gene)	QTTN/KT3 133 : 2016 Real time PCR	10 copies	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Note*: (*):Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 017/2021/CV-PXSX ngày 20/01/2021 và công văn số 03/2021/CV-QHSE ngày 27/10/2021:
The information was changed according to customer's official dispatch No. 017/2021/CV-PXSX dated 20/01/2021 and customer's official dispatch No. 03/2021/CV-QHSE dated 27/10/2021:

Nội dung/ *Item*	**Ban đầu/ *Initial***	**Thay đổi/ *Change as***
Tên mẫu *Name of sample*	ĐƯỜNG SẠCH – SAVING	ĐƯỜNG SẠCH
Nơi gửi mẫu *Customer*	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

ANALYTICAL REPORT

Sample code Nr. 743-2021-00092903
Analytical Report Nr. AR-21-VD-098689-01-EN / EUVNHC-00148612

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa Industiral Zone 1,
An Binh Ward,
Bien Hoa City,
Dong Nai Province
VIETNAM

Sample described as: Đường sạch
Conditioning: The sample is kept in plastic bag
Sample reception date: 20/10/2021
Analysis Time: 21/10/2021 - 26/10/2021
Client due date: 27/10/2021
Your purchase order reference: J8SF211020216

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	Internal method (EVN-R-RD-1-TP-3449)	Not detected (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin and lambda-cyhalothrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
15	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD2R5 VD (a) **Propiconazole (sum of isomers)**	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) **Tebufenozide**	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) **Trinexapac-ethyl**	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE

Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Analytical Service Manager

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
General Director

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phượng Vĩ 28/10/2021

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh).The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditatior ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2021-00092903
Mã số kết quả : AR-21-VD-098689-01-VI / EUVNHC-00148612

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Đường số 1,Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1
Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Tên mẫu : Đường sạch
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 20/10/2021
Thời gian thử nghiệm : 21/10/2021 - 26/10/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 27/10/2021
Mã số PO của khách hàng : J8SF211020216

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-1-TP-3449)	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin và lambda-cyhalothrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
15	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD2R5 VD (a) **Propiconazol (Tổng các đồng nhân)**	mg/ kg	EN 15662:2018	**Không phát hiện (LOD=0.01)**
17	VD2QT VD (a) **Tebufenozid**	mg/ kg	EN 15662:2018	**Không phát hiện (LOD=0.005)**
18	VD2TK VD (a) **Trinexapac-ethyl**	mg/ kg	EN 15662:2018	**Không phát hiện (LOD=0.05)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 28/10/2021

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.